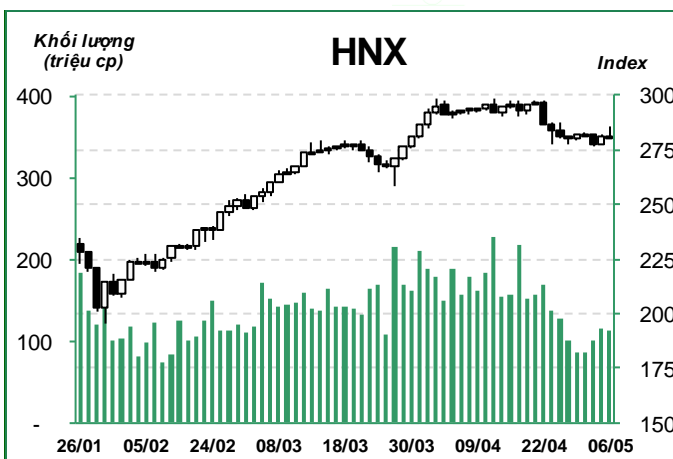
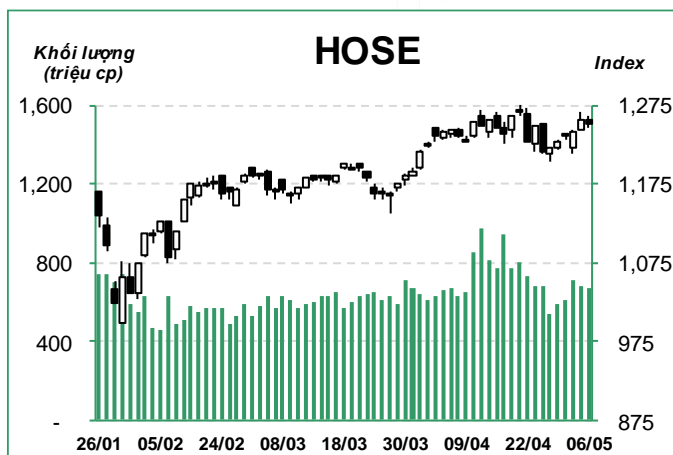


Tổng quan thị trường

| 06/05/2021 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 1,250.57 | -0.47% | 1,344.64 | -0.17% | 281.09 | 0.06% |
| Cuối tuần trước | 1,239.39 | 0.90% | 1,312.28 | 2.47% | 281.75 | -0.24% |
| Trung bình 20 ngày | 1,243.13 | 0.60% | 1,291.94 | 4.08% | 287.84 | -2.35% |
| Tổng KLGĐ (triệu cp) | 730.50 | -1.87% | 235.84 | -18.61% | 115.07 | -14.64% |
| KLGĐ khớp lệnh | 672.40 | -1.90% | 226.86 | -17.40% | 112.01 | -2.62% |
| Trung bình 20 ngày | 736.31 | -8.68% | 226.92 | -0.03% | 143.68 | -22.04% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 20,314.49 | -4.22% | 11,000.50 | -9.05% | 2,043.09 | -28.15% |
| GTGD khớp lệnh | 18,027.63 | -5.20% | 10,356.22 | -9.64% | 1,997.99 | -14.95% |
| Trung bình 20 ngày | 17,973.34 | 0.30% | 9,881.12 | 4.81% | 2,554.48 | -21.78% |
| | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng |
| Số mã tăng | 148 | 32% | 7 | 23% | 92 | 25% |
| Số mã giảm | 262 | 57% | 23 | 77% | 132 | 36% |
| Số mã đứng giá | 48 | 10% | 0 | 0% | 142 | 39% |



Thị trường có diễn biến giằng co trong phiên giao dịch ngày thứ 5 khi xuất hiện tín hiệu chốt lời ở hàng loạt các cổ phiếu trụ sau chuỗi 5 phiên tăng điểm liên tiếp trước đó của VN-Index. Tín hiệu giảm điểm không quá tiêu cực và nhiều khả năng là nhịp điều chỉnh kỹ thuật khi mức giảm không lớn đi kèm với khối lượng giao dịch sụt giảm. Mặc dù vậy, việc khối ngoại liên tục có động thái bán ròng trong những phiên gần đây và đặc biệt bán ròng mạnh trong phiên hôm nay có thể tác động không nhỏ đến tâm lý thị trường chung trong những phiên sắp tới.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng phiên giảm xuống mức 1,250.57 điểm (-0.47%). Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với 262 mã giảm/148 mã tăng. Trong khi đó, thanh khoản cũng có dấu hiệu hạ nhiệt với KLGĐ khớp lệnh đạt 672.4 triệu cổ phiếu (-1.9%), tương đương 18,028 tỷ đồng giá trị (-5.2%).

Áp lực chốt lời gia tăng khiến nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn đảo chiều giảm điểm giảm sâu trong phiên chiều. Trong đó, các trụ cột đầu ngành của nhóm ngân hàng như Vietcombank-VCB (-1.9%), BIDV-BID (-1.6%), Vietinbank-CTG (-1.0%) và nhóm thực phẩm đồ uống như Vinamilk-VNM (-2.6%), Sabeco-SAB (-2.7%) giảm điểm gây áp lực cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, một vài cổ phiếu ngân hàng khác như Techcombank-TCB (+2.5%), Ngân hàng Thương mại Quốc tế-VIB (+6.4%), VPBank-VPB (+2.0%) đóng cửa tăng điểm giúp giữ nhịp cho thị trường bị không giảm sâu. Bên cạnh đó, một số cái tên đáng chú ý cũng bất ngờ đóng cửa tăng khá tích cực như Cơ Điện Lạnh REE-REE (+4.4%), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+4.2%), Dệt may Thành Công-TCM (+5.4%) hay chứng chỉ quỹ Quỹ-FUEVFNVD (+4.6%).

Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh bán ròng trên sàn HoSE trong phiên giao dịch hôm nay với giá trị ròng lên tới 1,103.8 tỷ đồng (+40.9%). Sau khi được mua ròng mạnh trong phiên hôm qua,

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| ACB | 12,447.8 | 435.29 |
| PNJ | 2,017.1 | 197.68 |
| VPB | 3,165.0 | 192.09 |
| LPB | 8,030.0 | 171.19 |
| EIB | 4,047.8 | 106.59 |
| E1VFN30 | 4,700.0 | 105.57 |
| KBC | 2,000.0 | 76.30 |
| GMD | 2,060.0 | 70.52 |
| SHI | 2,334.0 | 58.48 |
| HPG | 900.0 | 51.86 |
| HNX | | |
| HMH | 1,847.0 | 24.01 |
| DDG | 182.6 | 6.06 |
| TMC | 452.6 | 5.28 |
| DNP | 151.0 | 2.94 |
| VC3 | 94.0 | 1.95 |
| BII | 200.0 | 1.80 |
| LBE | 53.0 | 1.53 |
| SPI | 80.0 | 1.52 |

VPBank-VPB (-311.9 tỷ) ngay lập tức bị bán rông trở lại và dẫn đầu danh sách bán rông của khối ngoại trong hôm nay. Bên cạnh đó, một số cổ phiếu Bluechips bị bán mạnh trong những phiên gần đây bởi khối ngoại như Vinamilk-VNM (-287.1 tỷ), Hòa Phát-HPG (-229.0 tỷ) cũng tiếp tục được nhắc đến trong phiên hôm nay. Trái lại, những cổ phiếu được khối ngoại tập trung mua rông là Sacombank-STB (+118.2 tỷ), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+65.1 tỷ) và MBBank-MBB (+57.5 tỷ).

Trên sàn HNX, mặc dù ghi nhận sắc xanh trong cả phiên giao dịch, áp lực bán gia tăng cuối phiên khiến chỉ số HNX-Index đóng cửa gần như không thay đổi so với tham chiếu tại mức 281.09 điểm (+0.06%). KLGĐ khớp lệnh đạt 112.0 triệu cổ phiếu (-2.6%), tương đương 1,998.0 tỷ đồng giá trị (-14.9%).

Ngoài trừ Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+2.1%) tăng điểm tích cực kéo chỉ số trong ngày chốt quyền chi trả cổ tức, các trụ cột khác của sàn HNX đa phần chốt phiên dưới mức tham chiếu hoặc chỉ còn giữ được mức tăng nhẹ. Ở chiều ngược lại, Dầu khí PTSC-PVS (-2.3%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (-1.2%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-2.5%), Chứng khoán MB-MBS (-2.1%) giảm điểm gây sức ép cho chỉ số.

Khối ngoại cũng có động thái rút vốn trên sàn HNX khi đảo chiều bán rông trở lại 39.9 tỷ đồng. Đây cũng là phiên bán rông đáng kể nhất của khối ngoại trên sàn này trong vòng 1 tháng qua. Trong đó, những cổ phiếu bị bán rông nhiều nhất là Điện Toàn Cầu-GLT (-19.5 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-12.2 tỷ) và Tập đoàn PAN-PAN (-5.8 tỷ). Ngược lại, Dầu khí PTSC-PVS (+1.9 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.9 tỷ), Than Đèo Nai-TDN (+0.4 tỷ) là những cổ phiếu dẫn đầu ở chiều mua rông.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 phiên hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số giữ được mức đóng cửa trên MA20, cùng với đường MA5 cắt lên MA20, cho thấy chỉ số vẫn duy trì xu hướng tăng điểm, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính được bền vững hơn. Mặc dù, đường MACD vẫn dưới Signal cho thấy áp lực điều chỉnh rung lắc vẫn chưa bị rũ bỏ hết nhưng trong trường hợp hỗ trợ quanh MA20 không bị phá vỡ, thì đà phục hồi có thể gia tăng trở lại và chỉ số có thể quay trở lại thử thách kháng cự quanh vùng đỉnh cũ 1,280 – 1,285 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tích cực hơn. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5, cho thấy đà phục hồi đang được cải thiện theo hướng tích cực. Chỉ số có cơ hội xuất hiện nhịp đi lên thử thách ngưỡng 288 điểm (MA20) trong những phiên tới. Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng tăng chính. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| FIR | 30.2 | 351.2 | 6.9% |
| TGG | 4.3 | 673.2 | 6.9% |
| PMG | 24.1 | 3.6 | 6.9% |
| AGM | 17.3 | 144.8 | 6.8% |
| ITD | 13.4 | 357.1 | 6.8% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|----------|---------------------|----------------|--------------|
| CMV | 14.7 | 0.1 | -7.0% |
| ABS | 52.4 | 5.0 | -6.9% |
| SGT | 14.8 | 165.2 | -6.9% |
| SVC | 79.7 | 0.3 | -6.9% |
| FUCVREIT | 27.1 | 3.2 | -6.9% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VPB | 61.8 | 1,896.2 | 2.0% |
| HPG | 59.4 | 1,309.0 | 0.2% |
| TCB | 47.1 | 1,256.9 | 2.5% |
| CTG | 42.9 | 864.0 | -1.0% |
| STB | 24.4 | 842.5 | -1.2% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ROS | 6.6 | 40,584.5 | 2.3% |
| FLC | 11.3 | 40,175.5 | 1.3% |
| STB | 24.4 | 34,269.0 | -1.2% |
| VPB | 61.8 | 31,018.1 | 2.0% |
| TCB | 47.1 | 27,196.0 | 2.5% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HTC | 33.2 | 0.1 | 9.9% |
| THS | 20.1 | 12.1 | 9.8% |
| DNP | 21.4 | 187.3 | 9.7% |
| PBP | 7.9 | 0.4 | 9.7% |
| PIC | 11.3 | 109.6 | 9.7% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SSM | 7.3 | 2.5 | -9.9% |
| DNC | 53.0 | 4.1 | -9.9% |
| KTT | 9.5 | 19.2 | -9.5% |
| HLC | 8.6 | 3.6 | -9.5% |
| DPC | 15.0 | 1.8 | -9.1% |

Top 5 giá trị

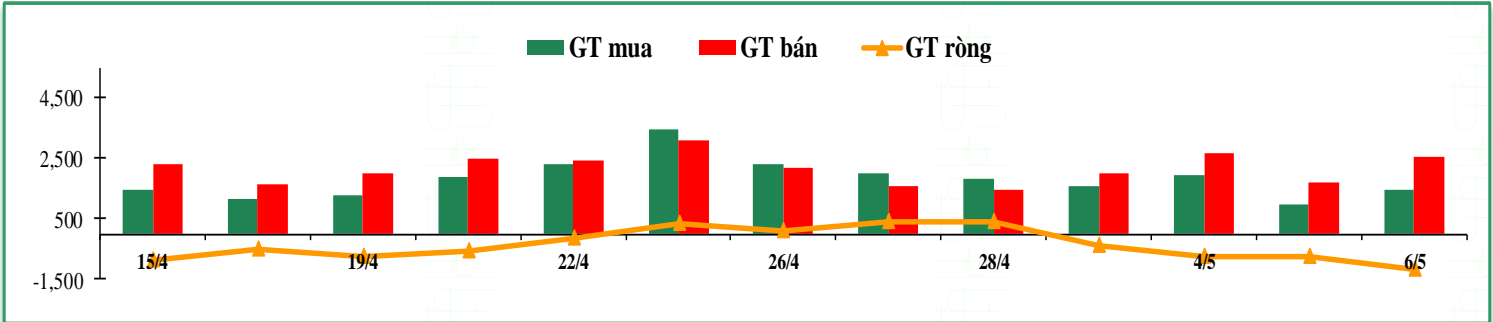
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHB | 24.5 | 445.2 | 2.1% |
| THD | 188.0 | 201.1 | 0.2% |
| VND | 38.4 | 181.6 | -0.3% |
| PVS | 21.1 | 149.2 | -2.3% |
| SHS | 27.8 | 144.6 | -2.5% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| KLF | 5.2 | 22,532.8 | -3.7% |
| SHB | 24.5 | 17,944.4 | 2.1% |
| PVS | 21.1 | 6,938.1 | -2.3% |
| ART | 9.2 | 5,809.1 | -8.0% |
| NVB | 16.8 | 5,375.8 | -1.2% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-----------------|
| HOSE | 1,425.1 | 7.0% | 2,528.8 | 12.4% | -1,103.8 |
| HNX | 8.0 | 0.4% | 47.9 | 2.3% | -39.9 |
| Tổng số | 1,433.1 | | 2,576.8 | | -1,143.6 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|---------|---------------------|-------------------|--------------|
| VPB | 61.8 | 322.3 | 2.0% |
| STB | 24.4 | 151.2 | -1.2% |
| E1VFN30 | 22.4 | 118.7 | -0.4% |
| HSG | 34.9 | 81.7 | 4.2% |
| VNM | 89.6 | 68.2 | -2.6% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|---------|---------------------|-------------------|--------------|
| VPB | 61.8 | 634.1 | 2.0% |
| VNM | 89.6 | 355.3 | -2.6% |
| HPG | 59.4 | 278.4 | 0.2% |
| E1VFN30 | 22.4 | 118.8 | -0.4% |
| VCI | 63.8 | 113.1 | -0.3% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| STB | 24.4 | 118.2 | -1.2% |
| HSG | 34.9 | 65.1 | 4.2% |
| MBB | 31.6 | 57.5 | -0.3% |
| NVL | 135.7 | 50.8 | 2.0% |
| DHC | 94.3 | 31.5 | 0.9% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS | 21.1 | 2.0 | -2.3% |
| SHB | 24.5 | 0.9 | 2.1% |
| BVS | 21.1 | 0.9 | -0.5% |
| VND | 38.4 | 0.8 | -0.3% |
| TDN | 8.5 | 0.4 | 1.2% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| GLT | 27.0 | 19.5 | 8.0% |
| VND | 38.4 | 13.0 | -0.3% |
| PAN | 25.1 | 5.8 | 0.0% |
| SHS | 27.8 | 4.9 | -2.5% |
| PVC | 9.8 | 0.9 | -3.9% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS | 21.1 | 1.9 | -2.3% |
| SHB | 24.5 | 0.9 | 2.1% |
| TDN | 8.5 | 0.4 | 1.2% |
| IDV | 70.0 | 0.3 | -2.5% |
| NTP | 37.2 | 0.3 | -1.1% |

Tin trong nước

VNFin Lead ETF có quy mô vượt 100 triệu USD, hiệu quả cao nhất từ đầu năm

Trong tháng vừa qua, quỹ đã thu hút thêm hơn 11 triệu chứng chỉ quỹ mới, nâng tổng lượng chứng chỉ quỹ phát hành từ đầu năm lên hơn 57 triệu đơn vị. Tổng khối lượng chứng chỉ quỹ đang có là 132,4 triệu đơn vị.

Hiện VNFin Lead ETF là quỹ ETF nội lớn thứ 3 tại thị trường Việt Nam. Quỹ đầu tư cổ phiếu kín room VFMVN Diamond ETF cũng liên tục hút ròng để có quy mô lớn nhất thị trường, đạt 11.512 tỷ đồng. Trong khi đó quỹ chỉ số lâu năm VFMVN30 ETF liên tục bị rút ròng, hiện còn 8.587 tỷ đồng.

Xét về hiệu suất đầu tư, quỹ mô phỏng cổ phiếu ngành tài chính ghi nhận mức tăng 30% kể từ đầu năm và trở thành quỹ hoạt động hiệu quả nhất thị trường Việt Nam.

Hiệu suất cao này là nhờ diễn biến tích cực của các cổ phiếu ngân hàng – vốn chiếm hơn 90% danh mục quỹ. Nhóm cổ phiếu ngân hàng đang là tâm điểm của dòng tiền cùng với thanh khoản ở mức rất cao.

Quỹ 2 tỷ đô của Dragon Capital: Tỷ trọng VPB và VIC tăng, NVL vào top 10

Vietnam Enterprise Investment Limited (VEIL) vừa công bố danh mục đầu tư tại cuối tháng 4 với nhiều thay đổi lớn. Cổ phiếu Novaland (NVL) lọt vào top 10 khoản đầu tư lớn nhất, trong khi Khang Điền (KDH) rời khỏi danh sách.

NVL là một trong những cổ phiếu vốn hóa lớn có đà tăng mạnh trong tháng 4, tương ứng mức tăng hơn 63%. Theo đó NVL trở thành cổ phiếu lớn thứ 9 trong danh mục VEIL, với giá trị đầu tư khoảng 81,7 triệu USD.

Thay đổi đáng chú ý khác là VPBank (VPB) trở thành khoản đầu tư lớn nhì trong danh mục quỹ ngoại với tỷ trọng 9,89%. Giá trị đầu tư đang gần 220 triệu USD, tăng mạnh 42% so với con số hơn 148 triệu USD cuối tháng 3.

Cổ phiếu VIC là khoản đầu tư lớn thứ 3 trong danh mục với tỷ trọng 9,15%, giá trị đầu tư vào khoảng 203 triệu USD, tăng khoảng 36% so với tháng 3.

Cổ phiếu lớn nhất trong danh mục là Hòa Phát (HPG) tiếp tục là khoản đầu tư hiệu quả của quỹ khi có mức tăng 24% tháng vừa qua.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Tài chính Hoàng Huy lãi 1.035 tỷ đồng cả niên độ, cao nhất từ trước đến nay

CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HoSE: TCH) công bố báo cáo tài chính niên độ 2020 - 2021. Doanh thu ghi nhận tăng 98% lên mức 4.419 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.035 tỷ đồng, tăng 64% cùng kỳ năm trước. Cả doanh thu và lợi nhuận đều cao nhất từ trước đến nay. Như vậy, doanh thu gấp 1,7 lần còn lợi nhuận trước thuế (1.278 tỷ đồng) gấp 1,6 lần kế hoạch đầu năm đề ra.

Theo Tài chính Hoàng Huy, trong năm qua, ngành kinh doanh ô tô và đặc biệt là mảng phát triển dự án bất động sản của công ty tiếp tục có đà tăng trưởng mạnh mẽ. Tài chính Hoàng Huy triển khai liên tiếp các dự án mới trong thời gian qua như dự án Nhà ở xã hội An Đồng, Hoàng Huy Commerce và Hoàng Huy Grand Tower...

Tính đến 31/3, vốn điều lệ của Tài chính Hoàng Huy còn khiêm tốn so với các công ty bất động sản top đầu, chỉ 3.842 tỷ đồng. Vay nợ tài chính chỉ còn 241 tỷ đồng, giảm 66% đầu năm và rất nhỏ so với vốn chủ sở hữu. Đặc biệt công ty có 5.474 tỷ đồng tiền gửi và đầu tư tài chính ngắn hạn được phân bổ ở công ty mẹ và các công ty con. Đây chính là nguồn lực để công ty có thể mở rộng mảng đầu tư các dự án trọng điểm trong tương lai.

Petrolimex báo lãi hơn 1.000 tỷ trước thuế quý 1/2021, cao hơn dự tính ban đầu

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) vừa công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2021. Theo đó, Petrolimex ghi nhận lợi nhuận trước thuế hơn 1.000 tỷ đồng trong quý này, trong khi cùng kỳ năm trước lỗ hơn 1.700 tỷ.

Doanh thu bán hàng quý 1/2021 đạt 38.269 tỷ đồng, xấp xỉ cùng kỳ năm trước. Nhờ giảm giá vốn hàng bán, biên lợi nhuận gộp trong kỳ của PLX đạt 8,9% trong khi cùng kỳ năm trước chỉ đạt 1,2%.

Doanh thu tài chính quý 1/2021 đạt 210 tỷ đồng, giảm gần 9% cùng kỳ năm trước, chi phí tài chính đạt 186 tỷ đồng, giảm 47%.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 1/2021 của PLX đạt 736 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước lỗ hơn 1.813 tỷ.

Năm 2021, Petrolimex đặt kế hoạch doanh thu 135.200 tỷ đồng, và 3.360 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 9% và 238% so với thực hiện 2020. Như vậy sau quý 1, tập đoàn đã hoàn thành 28,3% kế hoạch doanh thu và 30% kế hoạch lợi nhuận.

Tại thời điểm 31/3/2021, tổng tài sản của Petrolimex đạt 64.512 tỷ đồng, tăng hơn 3.400 tỷ so với đầu năm. Tiền và tiền gửi ngân hàng của PLX lên tới 18.588 tỷ đồng, giảm 575 tỷ so với đầu năm. Hàng tồn kho của tập đoàn hơn 10.400 tỷ, tăng hơn 1000 tỷ so với đầu năm.

Nguồn: NDH, Cafef

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--|
| 1 | CKG | Mua | 07/05/21 | 15.5 | 15.5 | 0.0% | 17.1 | 10.3% | 14.9 | -3.9% | Cổ phiếu ổn định trở lại và có cơ hội phục hồi |

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Kháng cự | Tín hiệu kỹ thuật |
|-----|-------|--------------|------------------|--------------|-----------|---|
| 1 | VHC | Quan sát mua | 07/05/21 | 36.65 | 39-40 | Nhịp điều chỉnh về lại đáy cũ 35-36 với vol cạn dần + RSI phân kỳ + có phiên tăng kèm vol tăng trở lại -> cần tiếp tục tăng vượt 37 để cho tín hiệu vào nhịp hồi phục ngắn hạn |
| 2 | MIG | Quan sát mua | 07/05/21 | 16 | 17.4-17.5 | Tín hiệu tạo đáy quanh vùng hỗ trợ 16 với nến cặp nến Bullish Engulfing + phiên điều chỉnh trở lại ko quá xấu với vol thấp -> khả năng sớm hồi phục trở lại |
| 3 | DGW | Quan sát mua | 07/05/21 | 117.4 | 130 | Giá bật tăng tốt, quay lại trên MA50 sau tín hiệu rũ bỏ trước đó + hai phiên điều chỉnh gần đây ko xấu với nền nhỏ, vol thấp -> khả năng chỉ retest MA50 trước khi tăng trở lại |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | FPT | Mua | 20/04/21 | 82.7 | 81.5 | 1.5% | 95 | 16.6% | 78.8 | -3% | |
| 2 | NLG | Mua | 26/04/21 | 38.4 | 34.95 | 9.9% | 40 | 14.4% | 33.4 | -4% | |
| 3 | VSC | Mua | 28/04/21 | 48.05 | 49.9 | -3.7% | 55 | 10% | 47 | -6% | |
| 4 | DGC | Mua | 29/04/21 | 75.7 | 70 | 8.1% | 81.8 | 17% | 67 | -4% | |
| 5 | MWG | Mua | 04/05/21 | 142 | 140.9 | 0.8% | 172 | 22% | 134.6 | -4% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | |
|---|-----|-----|----------|------|-------|------|-------|-----|------|-----|
| 6 | STB | Mua | 05/05/21 | 24.4 | 24.1 | 1.2% | 26.3 | 9% | 22.9 | -5% |
| 7 | IJC | Mua | 06/05/21 | 27.4 | 26.25 | 4.4% | 32.85 | 25% | 24.8 | -6% |

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

| Mã chứng quyền | Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 06/05/2021 | | | | | | | | | Thông tin chứng quyền | | | | |
|----------------|--|--------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------|----------------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|------|---------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá phát hành (VND) | Giá đóng cửa (VND) | Tăng/giảm trong ngày (%) | Tăng/giảm so với giá phát hành (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) | Chênh lệch so với giá đóng cửa | CTCKPH | CKCS | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
| CFPT2016 | 2,580 | 7,850 | 2.6% | 204% | 18,060 | 47 | 82,700 | 6,568 | (1,282) | SSI | FPT | 50,000 | 5.0 | 22/06/2021 |
| CFPT2101 | 1,500 | 5,440 | 2.6% | 263% | 21,990 | 60 | 82,700 | 1,412 | (4,028) | MBS | FPT | 74,500 | 6.0 | 05/07/2021 |
| CHDB2101 | 1,000 | 3,370 | 13.5% | 237% | 34,640 | 139 | 28,800 | 215 | (3,155) | KIS | HDB | 29,888 | 5.0 | 22/09/2021 |
| CHPG2018 | 1,200 | 7,340 | -0.1% | 512% | 48,850 | 8 | 59,400 | 7,354 | 14 | KIS | HPG | 29,999 | 4.0 | 14/05/2021 |
| CHPG2020 | 5,700 | 37,800 | -0.5% | 563% | 370 | 55 | 59,400 | 33,484 | (4,316) | VND | HPG | 26,000 | 1.0 | 30/06/2021 |
| CHPG2026 | 3,350 | 11,110 | 2.2% | 232% | 6,160 | 4 | 59,400 | 11,454 | 344 | MBS | HPG | 36,500 | 2.0 | 10/05/2021 |
| CHPG2101 | 1,050 | 8,400 | 5.0% | 700% | 27,280 | 139 | 59,400 | 3,240 | (5,160) | KIS | HPG | 46,888 | 4.0 | 22/09/2021 |
| CHPG2102 | 6,600 | 23,500 | -1.5% | 256% | 10,120 | 60 | 59,400 | 18,544 | (4,956) | ACBS | HPG | 41,000 | 1.0 | 05/07/2021 |
| CHPG2103 | 3,900 | 12,400 | 4.2% | 218% | 26,220 | 61 | 59,400 | 8,775 | (3,625) | VND | HPG | 42,000 | 2.0 | 06/07/2021 |
| CHPG2104 | 1,500 | 8,950 | 5.3% | 497% | 30,930 | 60 | 59,400 | 4,919 | (4,031) | MBS | HPG | 44,800 | 3.0 | 05/07/2021 |
| CHPG2105 | 3,000 | 13,800 | 0.7% | 360% | 32,510 | 95 | 59,400 | 8,817 | (4,983) | HCM | HPG | 42,000 | 2.0 | 09/08/2021 |
| CHPG2106 | 4,100 | 6,950 | 41.7% | 70% | 1,510 | 113 | 59,400 | 4,817 | (2,133) | MBS | HPG | 50,200 | 2.0 | 27/08/2021 |
| CKDH2001 | 1,400 | 2,560 | -5.2% | 83% | 63,450 | 8 | 36,450 | 2,560 | 0 | KIS | KDH | 26,222 | 4.0 | 14/05/2021 |
| CKDH2002 | 1,600 | 3,890 | -1.3% | 143% | 31,480 | 102 | 36,450 | 2,320 | (1,570) | KIS | KDH | 27,333 | 4.0 | 16/08/2021 |
| CKDH2101 | 1,000 | 3,200 | -1.2% | 220% | 21,690 | 139 | 36,450 | 725 | (2,475) | KIS | KDH | 33,333 | 5.0 | 22/09/2021 |
| CKDH2102 | 2,800 | 5,650 | 25.0% | 102% | 81,360 | 99 | 36,450 | 2,767 | (2,883) | MBS | KDH | 31,100 | 2.0 | 13/08/2021 |
| CMBB2010 | 4,600 | 15,800 | -1.3% | 243% | 37,540 | 39 | 31,600 | 15,637 | (163) | SSI | MBB | 16,000 | 1.0 | 14/06/2021 |
| CMBB2101 | 1,600 | 6,570 | 0.3% | 311% | 60,650 | 61 | 31,600 | 2,847 | (3,723) | VND | MBB | 26,000 | 2.0 | 06/07/2021 |
| CMSN2009 | 1,200 | 3,540 | -4.1% | 195% | 17,040 | 8 | 95,600 | 3,397 | (143) | KIS | MSN | 61,999 | 9.9 | 14/05/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|--------|-------|------|---------|------|---------|--------|---------|------|-----|---------|------|------------|
| CMSN2101 | 1,050 | 3,300 | 3.1% | 214% | 13,550 | 139 | 95,600 | 158 | (3,142) | KIS | MSN | 99,999 | 20.0 | 22/09/2021 |
| CMSN2102 | 1,000 | 3,100 | 1.6% | 210% | 20,450 | 139 | 95,600 | 38 | (3,062) | KIS | MSN | 111,111 | 20.0 | 22/09/2021 |
| CMSN2103 | 3,000 | 4,240 | 35.5% | 41% | 53,060 | 99 | 95,600 | 1,458 | (2,782) | MBS | MSN | 88,000 | 6.0 | 13/08/2021 |
| CMWG2013 | 12,000 | 26,210 | -1.8% | 118% | 520 | 55 | 142,000 | 23,155 | (3,055) | VND | MWG | 96,000 | 2.0 | 30/06/2021 |
| CMWG2015 | 1,900 | 4,020 | -1.7% | 112% | 40,840 | 4 | 142,000 | 4,202 | 182 | HCM | MWG | 100,000 | 10.0 | 10/05/2021 |
| CMWG2016 | 1,700 | 3,630 | 0.6% | 114% | 33,510 | 35 | 142,000 | 3,422 | (208) | HCM | MWG | 108,000 | 10.0 | 10/06/2021 |
| CMWG2101 | 2,400 | 3,900 | 0.0% | 63% | 19,890 | 61 | 142,000 | 2,542 | (1,358) | VND | MWG | 117,000 | 10.0 | 06/07/2021 |
| CMWG2102 | 3,000 | 7,000 | 0.0% | 133% | 25,480 | 88 | 142,000 | 4,536 | (2,464) | VCI | MWG | 120,000 | 5.0 | 02/08/2021 |
| CMWG2103 | 1,900 | 3,480 | 0.0% | 83% | 22,690 | 60 | 142,000 | 1,404 | (2,076) | MBS | MWG | 128,500 | 10.0 | 05/07/2021 |
| CMWG2104 | 2,400 | 5,780 | -2.0% | 141% | 14,740 | (45) | 142,000 | (33) | (5,813) | ACBS | MWG | 135,000 | 10.0 | 22/03/2021 |
| CMWG2105 | 2,950 | 5,490 | 28.0% | 86% | 62,470 | 113 | 142,000 | 1,630 | (3,860) | MBS | MWG | 131,500 | 8.0 | 27/08/2021 |
| CNVL2003 | 1,000 | 7,280 | 2.8% | 628% | 46,160 | 36 | 135,700 | 7,258 | (22) | KIS | NVL | 63,979 | 9.9 | 11/06/2021 |
| CNVL2101 | 1,000 | 5,130 | 0.8% | 413% | 19,340 | 139 | 135,700 | 3,692 | (1,438) | KIS | NVL | 77,999 | 15.8 | 22/09/2021 |
| CPNJ2101 | 1,700 | 2,450 | 6.5% | 44% | 17,550 | 61 | 96,000 | 1,846 | (604) | VND | PNJ | 78,000 | 9.9 | 06/07/2021 |
| CPNJ2102 | 2,000 | 5,310 | 19.1% | 166% | 41,780 | 88 | 96,000 | 3,286 | (2,024) | VCI | PNJ | 80,000 | 5.0 | 02/08/2021 |
| CPNJ2103 | 2,900 | 4,200 | 1.7% | 45% | 24,530 | 43 | 96,000 | 3,480 | (720) | MBS | PNJ | 78,800 | 5.0 | 18/06/2021 |
| CREE2006 | 1,500 | 2,950 | 7.3% | 97% | 39,360 | 4 | 55,100 | 0 | (2,950) | HCM | REE | 66,002 | 4.0 | 10/05/2021 |
| CREE2101 | 2,300 | 3,850 | 13.2% | 67% | 82,720 | 61 | 55,100 | 1,818 | (2,032) | VND | REE | 48,000 | 4.0 | 06/07/2021 |
| CSBT2101 | 1,100 | 2,470 | 7.4% | 125% | 28,420 | 139 | 19,850 | 12 | (2,458) | KIS | SBT | 24,666 | 5.0 | 22/09/2021 |
| CSTB2007 | 1,500 | 6,750 | -0.4% | 350% | 23,430 | 21 | 24,400 | 6,707 | (43) | KIS | STB | 10,999 | 2.0 | 27/05/2021 |
| CSTB2010 | 1,100 | 6,330 | 0.3% | 475% | 53,560 | 36 | 24,400 | 6,213 | (117) | KIS | STB | 11,999 | 2.0 | 11/06/2021 |
| CSTB2014 | 3,800 | 12,690 | 0.1% | 234% | 17,090 | 39 | 24,400 | 12,427 | (263) | SSI | STB | 12,000 | 1.0 | 14/06/2021 |
| CSTB2101 | 1,000 | 6,100 | -6.2% | 510% | 38,960 | 139 | 24,400 | 1,463 | (4,637) | KIS | STB | 21,999 | 2.0 | 22/09/2021 |
| CSTB2102 | 2,000 | 7,650 | -4.4% | 283% | 22,270 | 29 | 24,400 | 6,431 | (1,219) | MBS | STB | 18,000 | 1.0 | 04/06/2021 |
| CSTB2103 | 1,400 | 6,700 | -3.9% | 379% | 72,180 | 95 | 24,400 | 3,250 | (3,450) | HCM | STB | 18,000 | 2.0 | 09/08/2021 |
| CSTB2104 | 4,000 | 7,590 | 28.9% | 90% | 103,780 | 113 | 24,400 | 2,050 | (5,540) | MBS | STB | 22,900 | 1.0 | 27/08/2021 |
| CTCB2012 | 5,400 | 25,500 | 4.9% | 372% | 122,040 | 85 | 47,100 | 25,210 | (290) | SSI | TCB | 22,000 | 1.0 | 30/07/2021 |
| CTCB2101 | 5,000 | 18,800 | 2.7% | 276% | 27,820 | 152 | 47,100 | 16,377 | (2,423) | ACBS | TCB | 31,000 | 1.0 | 05/10/2021 |
| CTCB2102 | 2,300 | 8,530 | 5.6% | 271% | 61,190 | 61 | 47,100 | 5,614 | (2,916) | VND | TCB | 36,000 | 2.0 | 06/07/2021 |
| CTCB2103 | 2,900 | 9,700 | 7.8% | 234% | 84,900 | 95 | 47,100 | 5,899 | (3,801) | HCM | TCB | 35,500 | 2.0 | 09/08/2021 |
| CTCB2104 | 2,000 | 3,800 | 72.3% | 90% | 10 | 113 | 47,100 | 1,366 | (2,434) | MBS | TCB | 45,800 | 2.0 | 27/08/2021 |
| CTCH2001 | 1,400 | 600 | 1.7% | -57% | 79,310 | 8 | 22,700 | 6 | (594) | KIS | TCH | 22,888 | 3.9 | 14/05/2021 |
| CTCH2003 | 1,600 | 2,530 | 5.9% | 58% | 80,990 | 102 | 22,700 | 156 | (2,374) | KIS | TCH | 23,999 | 3.9 | 16/08/2021 |
| CTCH2101 | 1,000 | 3,100 | 8.8% | 210% | 14,660 | 139 | 22,700 | 202 | (2,898) | KIS | TCH | 24,666 | 3.9 | 22/09/2021 |
| CTCH2102 | 2,750 | 3,110 | 0.0% | 13% | 72,960 | 99 | 22,700 | 164 | (2,946) | MBS | TCH | 25,000 | 2.0 | 13/08/2021 |
| CVHM2008 | 1,400 | 2,950 | 0.0% | 111% | 43,700 | 36 | 98,700 | 1,000 | (1,950) | KIS | VHM | 88,888 | 10.0 | 11/06/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|-------|--------|-------|------|--------|-----|---------|--------|---------|-----|-----|---------|------|------------|
| CVHM2101 | 1,100 | 3,450 | 0.3% | 214% | 12,930 | 139 | 98,700 | 123 | (3,327) | KIS | VHM | 106,888 | 16.0 | 22/09/2021 |
| CVHM2102 | 2,300 | 3,830 | -0.5% | 67% | 42,820 | 61 | 98,700 | 1,202 | (2,628) | VND | VHM | 87,000 | 10.0 | 06/07/2021 |
| CVHM2103 | 1,650 | 3,170 | -5.4% | 92% | 14,490 | 29 | 98,700 | 586 | (2,584) | MBS | VHM | 93,000 | 10.0 | 04/06/2021 |
| CVHM2104 | 1,600 | 3,820 | 0.8% | 139% | 56,060 | 95 | 98,700 | 378 | (3,442) | HCM | VHM | 98,000 | 10.0 | 09/08/2021 |
| CVHM2105 | 1,500 | 3,220 | 36.4% | 115% | 64,280 | 99 | 98,700 | 157 | (3,063) | MBS | VHM | 105,000 | 8.0 | 13/08/2021 |
| CVIC2005 | 1,500 | 3,410 | -7.8% | 127% | 17,310 | 36 | 132,500 | 2,586 | (824) | KIS | VIC | 106,868 | 10.0 | 11/06/2021 |
| CVIC2101 | 1,000 | 3,680 | -2.1% | 268% | 14,760 | 139 | 132,500 | 469 | (3,211) | KIS | VIC | 126,888 | 20.0 | 22/09/2021 |
| CVIC2102 | 1,800 | 4,140 | -8.0% | 130% | 12,790 | 29 | 132,500 | 3,267 | (873) | MBS | VIC | 100,000 | 10.0 | 04/06/2021 |
| CVJC2006 | 1,000 | 1,230 | -8.2% | 23% | 44,960 | 36 | 122,000 | 556 | (674) | KIS | VJC | 111,111 | 20.0 | 11/06/2021 |
| CVNM2011 | 1,100 | 1,190 | -8.5% | 8% | 34,560 | 36 | 89,600 | (0) | (1,190) | KIS | VNM | 133,333 | 16.3 | 11/06/2021 |
| CVNM2101 | 1,100 | 2,460 | -3.9% | 124% | 11,420 | 139 | 89,600 | 0 | (2,460) | KIS | VNM | 126,888 | 19.8 | 22/09/2021 |
| CVNM2102 | 1,700 | 2,380 | -5.6% | 40% | 34,300 | 61 | 89,600 | 0 | (2,380) | VND | VNM | 108,994 | 9.9 | 06/07/2021 |
| CVNM2103 | 1,700 | 2,460 | -6.5% | 45% | 29,280 | 43 | 89,600 | 0 | (2,460) | MBS | VNM | 104,000 | 10.0 | 18/06/2021 |
| CVNM2104 | 1,480 | 2,630 | 32.2% | 78% | 40,210 | 130 | 89,600 | 31 | (2,599) | MBS | VNM | 103,000 | 10.0 | 13/09/2021 |
| CVPB2015 | 5,600 | 36,500 | 2.8% | 552% | 76,880 | 85 | 61,800 | 35,930 | (570) | SSI | VPB | 26,000 | 1.0 | 30/07/2021 |
| CVPB2101 | 2,900 | 13,000 | 3.2% | 348% | 9,930 | 61 | 61,800 | 12,466 | (534) | VND | VPB | 37,000 | 2.0 | 06/07/2021 |
| CVPB2102 | 2,800 | 12,880 | 0.6% | 360% | 11,810 | 29 | 61,800 | 13,180 | 300 | MBS | VPB | 35,500 | 2.0 | 04/06/2021 |
| CVPB2103 | 2,700 | 13,550 | 4.2% | 402% | 19,920 | 95 | 61,800 | 12,752 | (798) | HCM | VPB | 36,500 | 2.0 | 09/08/2021 |
| CVPB2104 | 2,500 | 5,910 | 31.0% | 136% | 16,210 | 113 | 61,800 | 4,388 | (1,522) | MBS | VPB | 49,000 | 3.0 | 27/08/2021 |
| CVRE2009 | 1,400 | 990 | -2.9% | -29% | 25,350 | 21 | 31,200 | 77 | (913) | KIS | VRE | 30,999 | 5.0 | 27/05/2021 |
| CVRE2011 | 1,500 | 1,490 | 0.0% | -1% | 16,710 | 36 | 31,200 | 47 | (1,443) | KIS | VRE | 31,888 | 4.0 | 11/06/2021 |
| CVRE2013 | 5,000 | 8,360 | -0.5% | 67% | 23,370 | 85 | 31,200 | 3,889 | (4,471) | SSI | VRE | 27,500 | 1.0 | 30/07/2021 |
| CVRE2101 | 1,200 | 2,850 | -5.0% | 138% | 21,420 | 139 | 31,200 | 151 | (2,699) | KIS | VRE | 34,567 | 4.0 | 22/09/2021 |
| CVRE2102 | 1,800 | 2,520 | -1.2% | 40% | 70,060 | 61 | 31,200 | 386 | (2,134) | VND | VRE | 30,000 | 4.0 | 06/07/2021 |
| CVRE2103 | 1,300 | 2,900 | -2.0% | 123% | 47,980 | 95 | 31,200 | 213 | (2,687) | HCM | VRE | 32,000 | 4.0 | 09/08/2021 |
| CVRE2104 | 3,000 | 4,850 | 29.3% | 62% | 70,580 | 99 | 31,200 | 141 | (4,709) | MBS | VRE | 34,300 | 2.0 | 13/08/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá hợp lý* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2021F (tỷ) | EPS 2021F | BV 2021F | ROE 2021F | ROA 2021F | PE 2021F | PB 2021F | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------|------------|---------|-------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| BMP | (New) HOSE | 59,400 | 66,900 | 06/05/2021 | 551 | 6,735 | 32,184 | 21% | 17% | 9.9 | 2.1 | 43% |
| VNM | (New) HOSE | 89,600 | 128,000 | 04/05/2021 | 10,488 | 4,972 | 16,501 | 30% | 20% | 25.8 | 7.8 | 45% |
| CTD | (New) HOSE | 62,500 | 69,200 | 29/04/2021 | 593 | 7,960 | 112,448 | 7% | 4% | 8.7 | 0.7 | 10% |
| STK | (New) HOSE | 32,700 | 41,000 | 28/04/2021 | 187 | 2,211 | 14,974 | 15% | 10% | 18.6 | 2.7 | - |
| DHG | (New) HOSE | 102,500 | 100,400 | 28/04/2021 | 742 | 5,676 | 28,774 | 20% | 16% | 18.1 | 3.6 | 30% |
| PNJ | HOSE | 96,000 | 116,000 | 27/04/2021 | 1,538 | 6,762 | 27,589 | 25% | 16% | 17.2 | 4.2 | 20% |
| HPG | HOSE | 59,400 | 52,900 | 27/04/2021 | 16,753 | 5,038 | 22,193 | 23% | 12% | 10.5 | 2.4 | 5% |
| FPT | HOSE | 82,700 | 91,800 | 14/04/2021 | 5,036 | 4,730 | 26,109 | 25% | 11% | 19.4 | 3.5 | 20% |
| DGW | HOSE | 117,400 | 103,700 | 13/04/2021 | 425 | 9,881 | 35,452 | 28% | 11% | 10.5 | 2.8 | 20% |
| VHC | HOSE | 36,650 | 48,900 | 12/04/2021 | 951 | 5,188 | 31,003 | 12% | 17% | 9.4 | 1.6 | - |
| ACV | UPCOM | 72,000 | 85,600 | 09/04/2021 | 3,027 | 1,390 | 17,759 | 8% | 5% | 60.6 | 4.7 | 6% |
| MSN | HOSE | 95,600 | 110,800 | 08/04/2021 | 2,209 | 1,890 | 16,195 | 13% | 2% | 58.7 | 6.9 | - |
| ANV | HOSE | 22,200 | 26,000 | 05/04/2021 | 281 | 2,202 | 18,506 | 12% | 6% | 11.8 | 1.4 | - |
| REE | HOSE | 55,100 | 62,100 | 02/04/2021 | 1,937 | 5,984 | 45,456 | 14% | 9% | 10.4 | 1.4 | 0% |
| PLX | HOSE | 50,800 | 64,800 | 31/03/2021 | 4,563 | 3,668 | 17,545 | 18% | 7% | 17.7 | 3.7 | 30% |
| SBT | HOSE | 19,850 | 30,000 | 25/03/2021 | 744 | 1,165 | 13,578 | 9% | 4% | 25.8 | 2.2 | 5% |
| MPC | UPCOM | 35,400 | 44,700 | 25/03/2021 | 762 | 3,811 | 27,801 | 14% | 8% | 11.7 | 1.6 | - |
| FMC | HOSE | 31,450 | 43,900 | 18/03/2021 | 236 | 4,014 | 21,355 | 17% | 12% | 10.0 | 1.9 | - |
| GVR | HOSE | 25,300 | 40,200 | 17/03/2021 | 4,906 | 1,042 | 13,121 | 9% | 6% | 38.6 | 3.1 | 3% |
| VRE | HOSE | 31,200 | 43,400 | 12/03/2021 | 3,135 | 1,423 | 12,382 | 10% | 7% | 29.2 | 3.3 | - |
| TCM | HOSE | 106,900 | 66,000 | 11/03/2021 | 287 | 4,630 | 28,532 | 16% | 9% | 12.5 | 2.0 | - |
| MWG | HOSE | 142,000 | 140,600 | 08/03/2021 | 4,546 | 10,036 | 41,716 | 24% | 9% | 14.0 | 3.4 | 15% |
| GAS | HOSE | 84,900 | 102,000 | 05/03/2021 | 10,892 | 5,691 | 27,913 | 20% | 15% | 18.0 | 3.7 | 35% |
| MSH | HOSE | 53,700 | 56,300 | 03/03/2021 | 336 | 6,721 | 30,835 | 22% | 12% | 8.4 | 1.8 | - |
| GMD | HOSE | 34,650 | 54,800 | 24/02/2021 | 541 | 1,794 | 22,180 | 8% | 5% | 12.8 | 1.0 | 10% |
| NLG | HOSE | 38,400 | 39,000 | 24/02/2021 | 966 | 3,763 | 26,600 | 14% | 7% | 10.4 | 1.5 | 5% |
| TNG | HOSE | 21,000 | 23,800 | 19/02/2021 | 198 | 2,671 | 16,167 | 17% | 5% | 8.9 | 1.5 | - |
| GIL | HOSE | 76,300 | 54,800 | 05/02/2021 | 317 | 8,813 | 43,186 | 20% | 10% | 6.2 | 1.3 | - |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------|--|-------|---------|---------|------------|--------|--------|---------|-----|-----|------|-----|-----|
| GTN | | HOSE | 18,200 | 36,290 | 29/01/2021 | 303 | 621 | 16,074 | 7% | 8% | 58.4 | 2.3 | 0% |
| IMP | | HOSE | 72,600 | 59,400 | 21/01/2021 | 210 | 3,144 | 27,758 | 12% | 10% | 18.9 | 2.3 | 20% |
| FRT | | HOSE | 27,600 | 37,700 | 20/01/2021 | 28 | 350 | 15,466 | 2% | 1% | 62.0 | 1.4 | 10% |
| VCB | | HOSE | 99,300 | 113,000 | 19/01/2021 | 18,436 | 4,971 | 31,498 | 17% | 1% | 22.7 | 3.6 | 0% |
| ACB | | HOSE | 34,800 | 32,300 | 19/01/2021 | 8,912 | 4,123 | 20,313 | 23% | 2% | 7.8 | 3.6 | 0% |
| TCB | | HOSE | 47,100 | 26,700 | 19/01/2021 | 15,022 | 4,292 | 25,693 | 18% | 4% | 6.5 | 1.1 | 0% |
| VHM | | HOSE | 98,700 | 102,000 | 19/01/2021 | 35,222 | 10,530 | 42,470 | 37% | 12% | 9.8 | 2.4 | - |
| KDH | | HOSE | 36,450 | 29,400 | 19/01/2021 | 1,763 | 3,182 | 17,973 | 19% | 8% | 8.5 | 1.5 | - |
| SAB | | HOSE | 156,000 | 182,900 | 19/01/2021 | 4,985 | 7,369 | 36,116 | 21% | 17% | 26.6 | 5.1 | 35% |
| LHG | | HOSE | 36,200 | 30,400 | 19/01/2021 | 180 | 3,601 | 26,394 | 11% | 6% | 8.1 | 1.0 | - |
| PHR | | HOSE | 51,200 | 67,650 | 19/01/2021 | 1,105 | 8,158 | 20,173 | 32% | 16% | 6.6 | 2.1 | 30% |
| PVS | | HNX | 21,100 | 16,100 | 19/01/2021 | 928 | 1,843 | 27,820 | 7% | 3% | 8.7 | 0.6 | 5% |
| PLX | | HOSE | 50,800 | 56,200 | 19/01/2021 | 3,917 | 2,905 | 21,808 | 17% | 7% | 19.3 | 2.6 | 30% |
| CTR | | UPCOM | 83,000 | 78,800 | 19/01/2021 | 223 | 3,172 | 14,460 | 23% | 6% | 21.1 | 4.6 | 10% |
| POW | | HOSE | 12,300 | 14,700 | 19/01/2021 | 2,837 | 1,055 | 14,071 | 9% | 5% | 13.9 | 1.0 | 3% |
| GEG | | HOSE | 17,200 | 19,000 | 19/01/2021 | 383 | 1,184 | 13,017 | 14% | 5% | 16.1 | 1.5 | - |
| CTD | | HOSE | 62,500 | 66,000 | 19/01/2021 | 702 | 8,852 | 115,000 | 8% | 5% | 7.5 | 0.6 | 30% |
| VHC | | HOSE | 36,650 | 50,600 | 14/01/2021 | 892 | 5,134 | 26,696 | 18% | 13% | 9.9 | 1.9 | - |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.